TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2025/HNGĐ-ST
Ngày 06-08-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Gia Lương
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Đình Đạt
Ông Nguyễn Văn Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên toà: Ông Lương Thất Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 08 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2025/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 03 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2025/QĐ-ST ngày 21/07/2025 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn**: anh Hoàng Văn T, sinh ngày 19/11/1989 (vắng mặt)
Căn cước công dân: 024089016513
Nơi cư trú: thôn H, phường C, tỉnh Bắc Ninh.

2. Bị đơn**:** chị Hoàng Thị H, sinh ngày 16/09/1998 (vắng mặt)
Căn cước công dân: 015198003087
Nơi cư trú: thôn H, phường C, tỉnh Bắc Ninh. Hiện đang lao động tại nước ngoài, không rõ địa chỉ.

Chị H ủy quyền giao nhận các văn bản tố tụng với Tòa án cho anh Hoàng Văn K, sinh năm 1989; Nơi cư trú: tổ dân phố Y, phường H, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai nguyên đơn anh Hoàng Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Trước khi kết hôn anh, chị H được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 18/5/2020 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh

Bắc Giang (nay là phường C, tỉnh Bắc Ninh). Sau khi kết hôn chị H về nhà anh làm dâu, vợ chồng chung sống hòa thuận. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên tháng 3/2022 chị H đi lao động tại Philippine. Sang Philippine vợ chồng vẫn hòa thuân nhưng đến tháng 10/2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không còn quan tâm đến nhau, ai có cuộc sống của người đó. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Trong thời gian mâu thuẫn vợ chồng nhiều lần nói chuyện với mong muốn tiếp tục chung sống để chăm sóc con nhưng do bất đồng quan điểm quá lớn nên không có kết quả. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên bảo vợ chồng về đoàn tụ nhưng không được. Kể từ tháng 10/2022 đến nay anh và chị H không ai quan tâm đến nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho anh được ly hôn chị Hoàng Thị H.

Về con chung: anh, chị H có 02 con chung là cháu Hoàng Quỳnh C, sinh ngày 29/8/2018 và cháu Hoàng Anh T, sinh ngày 26/7/2021. Hiện nay các con chung vẫn đang sinh sống cùng anh. Sau ly hôn anh đề nghị:

- Giao cháu C cho chị H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng tạm giao cho anh chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị H về nước sinh sống.

- Giao cháu T cho anh là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Hoàng Thị H là bị đơn trình bày:

Về hôn nhân: Về quá trình tìm hiểu đi đến hôn nhân, quá trình chung sống vợ chồng sau hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng chị nhất trí với trình bày của anh T do vợ chồng đã thống nhất như vậy. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn anh Hoàng Văn T. Chị đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Hoàng Văn T. Do chị mới sang Philippine lao động, không biết tiếng địa phương nên không biết địa chỉ cụ thể nơi sinh sống của chị tại Philippine.

* Về con chung: chị và anh T có 02 con chung là cháu Hoàng Quỳnh C, sinh ngày 29/8/2018 và cháu Hoàng Anh T, sinh ngày 26/7/2021. Hiện nay các con chung vẫn đang sinh sống cùng anh T. Sau ly hôn vợ chồng thỏa thuận:

- Giao cháu C cho chị là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng tạm giao cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị về nước sinh sống.

- Giao cháu T cho anh T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh T, chị H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của anh T, chị H và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân

thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTBVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Văn T.

Về hôn nhân: anh Hoàng Văn T được ly hôn chị Hoàng Thị H.

Về nuôi con chung: Giao cháu C cho chị H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng tạm giao cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị H về nước sinh sống.

Giao cháu T cho anh T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, công nợ chung: Do anh T, chị H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Anh Hoàng Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tính hợp pháp của các văn bản, tài liệu do chị H gửi từ nước ngoài đến Tòa án: Do bản tự khai của chị H gửi đến Tòa án không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam tại nước ngoài. Tòa án trưng cầu giám định dấu vân tay của chị H trong bản tự khai gửi đến Tòa án. Tại kết luận giám định số 1472/KL-KTHS ngày 21/07/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Ninh nêu: Dấu vân tay màu đỏ bên phải ở cuối trang 01 và dấu vân tay màu đỏ in dưới mục "Ngón trỏ trái" ở trang 02 trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với dấu vân tay tại ô "Trỏ phải" trên bản sao Chỉ bản số 122451336, mang tên Hoàng Thị H, sinh ngày 16/09/1998 (ký hiệu M) do Phòng Cảnh sát QLHC về TTXH – Công an tỉnh Bắc Ninh cung cấp là của cùng một người.

Dấu vân tay màu đỏ bên trái ở cuối trang 01 và dấu vân tay màu đỏ in dưới mục "Ngón trỏ phải" ở trang 02 trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với dấu vân tay tại ô "Trỏ trái" trên bản sao Chỉ bản số 122451336, mang tên Hoàng

Thị H, sinh ngày 16/09/1998 (ký hiệu M) do Phòng Cảnh sát QLHC về TTXH – Công an tỉnh Bắc Ninh cung cấp là của cùng một người.

Từ kết luận trên, Hội đồng xét xử chấp nhận tính hợp pháp của các văn bản, tài liệu của chị H gửi đến Tòa án để giải quyết vụ án.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: anh T khởi kiện xin ly hôn chị H và yêu cầu giải quyết nuôi con chung. Vì vậy, đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về thẩm quyền giải quyết: Tại công văn số 1727/QLXNC ngày 21/06/2025 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Bắc Giang (nay là Bắc Ninh) xác định chị Hoàng Thị H đã xuất cảnh ngày 31/03/2022, hiện chưa có thông tinh nhập cảnh. Do đó, chị H được xác định đang cư trú tại nước ngoài, ngoài ra chị H là bị đơn có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Ninh. Vì vậy, đây là vụ án có một bên đương sự ở nước ngoài, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về việc vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[5]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Văn T và chị Hoàng Thị H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 18/05/2020 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (nay là phường C, tỉnh Bắc Ninh). Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống anh T xác định vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên đề nghị Tòa án xử cho anh được ly hôn chị H. Chị H cũng xác định vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nên đồng ý ly hôn anh T.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh T, Hội đồng xét xử thấy: anh T, chị H đều xác định vợ chồng có nhiều mâu thuẫn trong hôn nhân, đã sống ly thân nhau từ tháng 10/2022 đến nay. Do đó, Hội đồng xét xử thấy vợ chồng chị H, anh T đã có thời gian dài không quan tâm, liên lạc với nhau, không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 53 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T, xử cho anh T được ly hôn chị H là phù hợp tình trạng hôn nhân thực tế, phù hợp quy định của pháp luật cũng như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

[6]. Về nuôi con chung: anh T, chị H có 02 con chung là cháu Hoàng Quỳnh C, sinh ngày 29/08/2018 và cháu Hoàng Anh T, sinh ngày 26/7/2021. Hiện nay 02 con chung đang sinh sống cùng anh T. Ly hôn, anh T, chị H đề nghị giao cháu C cho chị H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nhưng tạm giao cho anh chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị H về nước sinh sống và giao cháu T cho anh T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Xét yêu cầu giao nuôi dưỡng con chung sau ly hôn của anh T, Hội đồng xét xử thấy: Chị H hiện đang lao động tại nước ngoài nên không đảm bảo việc trực tiếp nuôi dưỡng con chung Tuy nhiên, anh T đồng ý nuôi dưỡng cháu C cho chị H cho đến khi chị H về nước sinh sống. Các con chung hiện đang sinh sống ổn định cùng anh T, các cháu phát triển ổn định cả về thể chất lẫn tinh thần. Do đó, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu giao nuôi con chung của anh T, chị H sau ly hôn là phù hợp với tình hình thực tế, phù hợp Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình cũng như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Sau khi ly hôn anh Hoàng Văn T, chị Hoàng Thị H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trường hợp anh Hoàng Văn T, chị Hoàng Thị H có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[7]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh T, chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8]. Về tài sản, công nợ chung: Do anh T, chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9]. Về án phí: Anh Hoàng Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh).

[10]. Về quyền kháng cáo:

Theo Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, anh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có mặt tại Việt Nam có thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Theo Điều 271, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự, chị H đang lao động tại nước ngoài không có mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo bản án là 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2

Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Văn T.

1.Về hôn nhân: Anh Hoàng Văn T được ly hôn chị Hoàng Thị H.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Hoàng Quỳnh C, sinh ngày 29/08/2018 cho chị Hoàng Thị H là người trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nhưng tạm giao cháu C cho anh T nuôi dưỡng cho đến khi chị H về nước sinh sống.

Giao cháu Hoàng Anh T, sinh ngày 26/7/2021 cho anh Hoàng Văn T là người trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, anh Hoàng Văn T, chị Hoàng Thị H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Hoàng Văn T phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000434 ngày 10/03/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh). Xác nhận anh Hoàng Văn T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Anh Hoàng Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tống đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Chị Hoàng Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ nhận được tống đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- THADS tỉnh Bắc Ninh;
- UBND phường Tiền Phong, tỉnh Bắc Ninh;
- Cổng thông tin điện tử TAND;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Gia Lương